

Trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội

TIỂU LUẬN KINH TẾ ĐẦU TƯ

**THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC
NGOÀI TẠI VIỆT NAM - THỰC TRẠNG
VÀ GIẢI PHÁP**

MỤC LỤC

I: MỞ ĐẦU	3
1.1: Đặt vấn đề	3
1.2: Mục tiêu	3
1.3: Đối tượng – phạm vi nghiên cứu	3
1.4: cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu	4
1.5: Dự báo đầu tư FDI trong tương lai, Viễn cảnh đến 2012	4
II: NỘI DUNG	6
2.1: Thực trạng đầu tư nước ngoài FDI hiện nay	6
2.1.1: Thực trạng FDI của Thế Giới và Việt Nam hiện nay	6
2.1.2: Xu hướng FDI	8
2.2: Giải pháp thu hút đầu tư FDI vào Việt Nam hiện nay	9
2.2.1: Hạn chế cần khắc phục và đổi mới	9
2.2.2: Tám nhóm giải pháp thu hút và quản lý đầu tư FDI	12
- Thứ nhất: giải pháp về luật pháp, chính sách.....	12
- Thứ hai: giải pháp về quy hoạch.....	13
- Thứ ba: giải pháp về cải thiện cơ sở hạ tầng.....	13
- Thứ tư: giải pháp về nguồn nhân lực	13
- Thứ năm: giải pháp về giải phóng mặt bằng.....	14
- Thứ sáu: giải pháp về phân cấp	14
- Thứ bảy: giải pháp về xúc tiến đầu tư.....	14
- Thứ tám: một số giải pháp khác	15
III: KẾT LUẬN	16

ĐỀ TÀI SỐ 12:
“THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP”

I: MỞ ĐẦU

1.1: Đặt vấn đề

Cuộc khủng hoảng kinh tế cuối năm 2008 đầu năm 2009 đã đặt ra nhiều vấn đề cho nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng về việc sử dụng đã hiệu quả nguồn vốn FDI hay chưa?

Đây là nguyên nhân châm ngòi cho cuộc khủng hoảng kinh tế vừa qua bằng việc đầu tư không hiệu quả vào lĩnh vực bất động sản ở Mỹ. Ở nước ta việc sử dụng không hiệu quả nguồn vốn FDI ở các dự án trọng điểm đã làm cho chính phủ phải bù lỗ gây thất thoát nguồn lực làm ảnh hưởng tới tiêu cực đến nền kinh tế.

Việc quá phụ thuộc vào nền kinh tế nước ngoài là nguyên nhân kéo theo sự suy thoái kinh tế khi các nền kinh tế này “Hắt hơi” thì nền kinh tế của nước ta bị “Sốt” ngay. Đã tới lúc hạn chế sự phụ thuộc vào các nền kinh tế phát triển.

1.2: Mục tiêu

Đưa nền kinh tế nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, và thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài quay trở lại Việt Nam.

Sử dụng và phân phối có hiệu quả các nguồn lực đặc biệt là nguồn vốn đầu tư FDI vào các dự án của quốc gia.

1.3: Đối tượng – phạm vi nghiên cứu

Xem xét và đưa ra những nhận định về đầu tư nước ngoài FDI tại Việt Nam, thực trạng thu hút đầu tư FDI trong tình hình kinh tế hiện nay từ năm 2008- 2010.

Đưa ra những nhận định kịch bản tình hình đầu tư FDI tới năm 2012 đánh giá kịch bản tích cực có khả năng xảy ra trong tương lai.

1.4: cơ sở lí luận và phương pháp nghiên cứu

Qua việc tìm hiểu và nắm bắt thông tin thời sự trên truyền hình, báo trí và các trang web về đầu tư FDI tại Việt Nam cũng như thực trạng sử dụng nguồn vốn nay. Em đã tìm hiểu được những thông tin rất cần thiết và bổ ích cho đề tài, với những số liệu thu thập được với những thông tin quan trọng các cơ quan chính phủ tổng kết và công bố. Kết hợp với những ý kiến thu thập được từ các chuyên gia hàng đầu tại Việt Nam và các chuyên gia trên thế giới, vận dụng kiến thức đã học tại Trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội để xây dựng đề tài: “Số 12: Thực trạng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam – Thực trạng và giải pháp”

1.5: Dự báo đầu tư FDI trong tương lai, Viễn cảnh đến 2012

Trên cơ sở cân bằng các yếu tố tích cực và tiêu cực như phân tích trên đây, có 3 kịch bản cho sự phục hồi FDI đến năm 2012

Kịch bản V (V scenario) – lạc quan: đến cuối năm 2009, dòng vốn FDI bắt đầu tăng nhanh trở lại. Các điều kiện cho kịch bản này: (a) sự suy thoái sớm kết thúc trong nửa cuối năm 2009; (b) niềm tin của các nhà đầu tư sớm hồi phục vì nhiều yếu tố, nhất là tính hiệu quả của các đối sách của chính phủ; (c) không có sự đình đốn do chủ nghĩa bảo hộ; (d) xuất hiện làn sóng mới trong hoạt động M&A xuyên biên giới do sự tái cấu trúc công nghiệp và khả năng tiền mặt của các công ty và tổ chức tín dụng. Kịch bản này xảy ra khi có sự kết hợp tất cả điều kiện thuận lợi nên khó xảy ra nếu tình hình vẫn như hiện nay.

Kịch bản U (U scenario) – cơ bản: dòng vốn FDI đến năm 2011 mới bắt đầu tăng lên. Các điều kiện chính: (a) tình hình suy thoái toàn cầu tụt tệ

hơn trong kịch bản V, kéo dài ít nhất đến đầu năm 2010; (b) giá trị của hoạt động M&A xuyên quốc gia trên toàn cầu bị hạn chế.

Kịch bản L (L scenario) – bi quan: dòng vốn FDI sẽ không trở lại trước năm 2012. Điều kiện xảy ra: (a) suy thoái kinh tế toàn cầu kéo dài và tồi tệ hơn dự báo, trong đó chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng lan rộng trên toàn thế giới; (b) vì các yếu tố tiêu cực gia tăng nên các công ty rất thận trọng trong hoạt động đầu tư, nhất là những hoạt động đầu tư mở rộng ra bên ngoài.

Cuộc khủng hoảng hiện nay vừa là cơ hội cũng là thách thức đối với chính sách FDI. Nó có thể tạo ra sự thay đổi để đạt đến một môi trường đầu tư và kinh doanh hoàn hảo hơn nhưng cũng có thể khơi dậy chủ nghĩa bảo hộ. Để giải quyết hiệu quả cuộc khủng hoảng và các hậu quả kinh tế của nó đòi hỏi vai trò quan trọng của các nhà hoạch định chính sách phải duy trì một môi trường đầu tư và kinh doanh thuận tiện và kiềm chế khuynh hướng bảo hộ mậu dịch.

II: NỘI DUNG

2.1: Thực trạng đầu tư nước ngoài FDI hiện nay

Tình hình kinh tế xã hội tính đến quý I/2010, mặc dù đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, nhưng nền kinh tế nước ta vẫn tiếp tục đà phục hồi của những quý cuối năm 2009 với tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước đạt 5,83%, gấp gần 1,9 lần tốc độ tăng trong quý I/2009. Đáng chú ý là sự phục hồi diễn ra ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực kinh tế then chốt: Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,8%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,6%; thị trường trong nước tiếp tục phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng cao, trong đó, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế tăng 24,1%, hoạt động du lịch sôi nổi, lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng 36,2% so với cùng kỳ năm trước; thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội ước tính tăng 26,23% so với cùng kì năm trước đặc biệt là khu vực ngoài nhà nước tăng tới 46,38%;...

Khủng hoảng tài chính Mỹ và suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động đến đầu tư quốc tế trên những khía cạnh chính sau: các nhà đầu tư nước ngoài đẩy mạnh chuyển lợi nhuận về nước; vốn tài trợ của công ty mẹ ở bản quốc cho các công ty con ở nước nhận đầu tư giảm sút nghiêm trọng. Các nước phát triển thay vì đầu tư ra nước ngoài, đã quay lại để ngăn chặn suy giảm kinh tế trong nước, tạo ra làn sóng bảo hộ nền kinh tế trong nước nhằm ứng phó với khủng hoảng trong ngắn hạn. Điều này gây bất lợi cho thu hút đầu tư quốc tế.

2.1.1: Thực trạng FDI của Thế Giới và Việt Nam hiện nay

Cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ và suy thoái kinh tế toàn cầu đã làm cho tình hình kinh doanh quốc tế xấu nghiêm trọng, mức độ rủi ro cao, thiếu vốn nên nhiều tập đoàn phải điều chỉnh chiến lược đầu tư kinh doanh, điều

chính địa bàn và các định hướng đầu tư dẫn đến thu hẹp phạm vi đầu tư, đồng thời cắt giảm vốn nhằm giảm thiểu rủi ro kinh doanh.

Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB), FDI vào các nước đang phát triển đạt khoảng 500 tỉ USD (năm 2009), giảm xuống chỉ còn khoảng 400 tỉ USD (cuối năm 2009). Việt Nam chiếm khoảng 1,5-2% lượng vốn FDI toàn cầu. Năm 2009, FDI vào Việt Nam thấp hơn do tất cả các nước đầu tư lớn đều rơi vào suy thoái

Lượng vốn chảy vào 57 quốc gia thu hút nhiều đầu tư nước ngoài nhất cũng bị giảm 54% (quý I/2009) so với cùng kỳ năm 2008, thậm chí lượng vốn chảy vào các nước thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài như Trung Quốc, Brazil và Nga cũng đều giảm. FDI vào Trung Quốc tính đến tháng 11/2009 đạt 77,9 tỉ USD (giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2008). Các quốc gia châu Á khác có mức sụt giảm FDI là Nhật Bản, Singapore, Thái Lan và Philipin. Những nhân tố tác động đến sự sụt giảm FDI bao gồm: , khủng hoảng tài chính toàn cầu và sự suy yếu về kinh tế đã làm giảm khả năng và xu hướng đầu tư của các công ty, đặc biệt xu hướng đầu tư ra nước ngoài. cuộc khủng hoảng tạo ra tâm lý quan tâm đặc biệt đến những bất ổn và rủi ro toàn cầu - là những nhân tố cản trở lớn trong thực hiện các chương trình FDI nhiều tham vọng. mong muốn của các công ty mở rộng đầu tư ra nước ngoài ít dựa vào cách thức đóng góp cổ phần như cùng sở hữu và cấp phép nhằm giảm chi phí đầu tư của mình.

Theo Báo cáo (5/11/2009) của UNCTAD, Việt Nam dẫn đầu các nước châu Á trong thu hút FDI quốc tế (hiện Việt Nam có 9800 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký gần 150 tỉ USD của các nhà đầu tư đến từ 84 quốc gia và vùng lãnh thổ). FDI vào Việt Nam trong những tháng cuối năm 2009 vẫn có chiều hướng tích cực trên cả 3 phương diện: vốn đăng ký cấp mới, tăng vốn và giải ngân. Các nước châu Á khác có FDI tăng là Trung

Quốc, Ấn Độ, Indônêsi và Malaysia. FDI vào Indônêsi tăng 27,2% trong 6 tháng đầu năm 2009 (đạt 7,4 tỉ USD). Những lĩnh vực thu hút FDI nhiều nhất của Indônêsi là viễn thông, dược phẩm, xây dựng và các ngành kim khí điện tử. Hà Lan là nhà đầu tư lớn nhất tại Indônêsi (chiếm 1.1 tỉ USD); tiếp đến Singapore (793 triệu USD); Hàn Quốc (471 triệu USD). Việc gia tăng đầu tư ở các quốc gia châu Á chứng tỏ môi trường kinh doanh ở một số nước châu Á tốt hơn so với các khu vực khác trong bối cảnh khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Trong những năm gần đây, vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam đã tăng lên đáng kể. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến 20/8, tổng số dự án đăng ký cấp mới đã đạt con số 658 với trị giá 10,79 tỷ USD, giảm khoảng 10% về số dự án nhưng tăng 41% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2009.

2.1.2: Xu hướng FDI

Trong những năm gần đây, do tốc độ phát triển mạnh của mạng lưới chi nhánh, làn sóng M&A đã tăng nhanh hơn hình thức đầu tư xây dựng doanh nghiệp mới, trở thành một nét nổi bật và một hiện tượng trong hoạt động của các TNCs. Nếu trong giai đoạn 1999-2001 trung bình có 6.974 vụ M&A với giá trị 834,607 tỷ USD thì trong năm 2005 giá trị của các vụ giao dịch tăng 88% và đạt 6.134 vụ với giá trị 716,302 tỷ USD. Trong năm 2005, có 141 vụ giao dịch có giá trị trên 1 tỷ USD. Các lĩnh vực sát nhập cũng ngày càng đa dạng, trong đó các lĩnh vực hàng đầu là: viễn thông, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, truyền thông.... Sự sát nhập và thôn tính của các công ty ngoại quốc của các TNCs, chủ yếu là Mỹ, Đức và Anh là một trong những nguyên nhân quan trọng gây bùng nổ đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên sau năm 2000, cùng với làn sóng suy thoái kinh tế toàn cầu nên số vụ M&A cũng giảm đến 48% kéo theo dòng vốn FDI cũng giảm theo. Sang năm

2004, làn sóng M&A tiếp tục tăng 28% và đạt 381 tỷ USD và năm 2005 tăng lên 716,302 tỷ USD.

Xu hướng đầu tư theo hình thức này (M&A) Hình thức chủ yếu của đầu tư trực tiếp nước ngoài - cũng giảm 77% so với cùng kỳ năm 2008. Hình thức M&A diễn ra phổ biến trong các TNCs lớn ở các ngành công nghiệp ô tô, dược phẩm, viễn thông và tài chính. Theo Báo cáo mới nhất của OECD (8/12/2009), hoạt động mua bán và sáp nhập quốc tế giảm 56% năm 2009 so với năm 2008. Đây là mức giảm được coi là mạnh nhất kể từ năm 1995.

Nguyên nhân của sự suy giảm mạnh hoạt động M&A là vì các công ty xuyên quốc gia TNCs không muốn mạo hiểm đầu tư ra bên ngoài trong giai đoạn này, thay vào đó, họ tập trung nguồn vốn để cải tổ hoạt động các công ty và doanh nghiệp trong nước. Năm 2009 đầu tư trực tiếp nước ngoài của các nước phát triển giảm 60%. Các nước được coi là có FDI nhiều như Đức, Mỹ, Pháp và Nhật Bản cũng giảm vốn đầu tư. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến giảm FDI toàn cầu. FDI của các nước đang phát triển và các nước có nền kinh tế quá độ cũng giảm với tốc độ từ 25% đến 40%.

Theo Tổ chức Bảo lãnh đầu tư đa phương (MIGA), FDI cho các nước đang phát triển giảm 30% trong 2009, chỉ đạt khoảng 385.000 triệu đôla. Các nước đang phát triển sẽ rơi vào tình trạng thiếu vốn vào năm 2010. Do vậy, tăng trưởng của các nền kinh tế dựa vào FDI sẽ bị ảnh hưởng. Các nước có nợ nước ngoài lớn sẽ phải đối mặt với khả năng trả nợ giảm. Lãi suất cao tại Mỹ sẽ hút nguồn vốn USD trên toàn thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước từng thu hút lượng lớn FDI như Trung Quốc sẽ bị ảnh hưởng.

2.2: Giải pháp thu hút đầu tư FDI vào Việt Nam hiện nay

2.2.1: Hạn chế cần khắc phục và đổi mới

Thực tiễn ĐTNN vào Việt Nam trong giai đoạn vừa qua cũng đã bộc lộ một số tồn tại và hạn chế ở cả môi trường đầu tư và tình hình đầu tư. Sự

tăng trưởng mạnh mẽ, mang tính đột biến của nguồn vốn FDI vào Việt Nam đã làm cho những mặt hạn chế vốn có nhưng chưa hoặc chậm được khắc phục của môi trường đầu tư của nước ta ngày càng bộc lộ rõ nét và trở nên gay gắt hơn. Bên cạnh đó, một số vấn đề mới phát sinh cũng đang bắt đầu có những tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư làm hạn chế khả năng thu hút và sử dụng vốn đầu tư của nền kinh tế.

Về luật pháp, chính sách: Hệ thống luật pháp, chính sách về đầu tư, kinh doanh vẫn còn một số điểm thiếu đồng bộ và nhất quán giữa các luật các luật chung và luật chuyên ngành. Vì vậy trên thực tế vẫn tạo ra các cách hiểu khác nhau gây rất nhiều khó khăn cho việc xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cũng như hướng dẫn các doanh nghiệp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án.

Về công tác quy hoạch: Công tác quy hoạch lãnh thổ, ngành nghề, lĩnh vực, sản phẩm còn yếu và thiếu, đặc biệt trong bối cảnh phân cấp triệt để việc cấp phép và quản lý đầu tư về các địa phương, dẫn đến tình trạng mất cân đối chung. Nhiều địa phương cấp phép tràn lan, khai tăng vốn đăng ký của dự án để có thành tích, để cạnh tranh nhau, dẫn đến cùng cấp quá nhiều giấy phép cho các dự án có cùng một loại sản phẩm mà không tính đến khả năng thị trường, gây dư thừa, lãng phí, hiệu quả đầu tư thấp (ví dụ như trường hợp cấp phép các dự án sản xuất thép, dự án sân Golf, dự án cảng biển...).

Về cơ sở hạ tầng: Sự yếu kém của hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào là nhân tố quan trọng gây tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư. Thông thường các nhà đầu tư tính toán, thực hiện tiến độ xây dựng công trình dự án theo tiến độ xây dựng công trình hạ tầng ngoài hàng rào để tránh tình trạng công trình dự án xây dựng xong không đưa vào vận hành được do hệ thống cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào không đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là hệ thống

cấp điện, nước, đường giao thông, cảng biển phục vụ nhu cầu sản xuất và xuất nhập khẩu hàng hóa.

Về nguồn nhân lực: Tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực đã qua đào tạo, đặc biệt là công nhân kỹ thuật và kỹ sư ngày càng rõ rệt, không chỉ xảy ra ở các khu kinh tế mới hình thành như Chân Mây, Dung Quất, Nhơn Hội... mà còn ở cả những trung tâm công nghiệp như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương... Mặt hạn chế này đã tồn tại từ các giai đoạn trước nhưng trong 3 năm trở lại đây càng trở nên bức xúc hơn trong điều kiện nhiều dự án ĐTNN, đặc biệt là các dự án lớn đi vào triển khai thực hiện.

Vấn đề đất đai và công tác giải phóng mặt bằng: Công tác giải phóng mặt bằng là mặt hạn chế chậm được khắc phục của môi trường đầu tư của ta. Trên thực tế, công tác quy hoạch sử dụng đất đã được các địa phương quan tâm nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ với quy hoạch ngành, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nói chung và thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI nói riêng. Nhiều địa phương đang lâm vào tình trạng khó khăn trong việc bố trí đủ đất cho các dự án quy mô lớn như đã cam kết trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Vấn đề môi trường: Việc xử lý chất thải của các dự án ĐTNN tập trung tại các khu công nghiệp tập trung thuộc vùng kinh tế trọng điểm đã và đang ảnh hưởng nhất định đến môi trường tự nhiên cũng như xã hội, trong đó đặc biệt là đối với các dự án sản xuất quy mô lớn. Thực tế thời gian gần đây các cơ quan chức năng đã phát hiện một số vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường với các hành vi cố ý rất tinh vi của một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đây là vấn đề cần được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm ở tất cả các khâu từ thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư, đến triển khai thực hiện dự án cũng như quá trình hoạt động của dự án đầu tư.

Về xúc tiến đầu tư: Công tác xúc tiến đầu tư trong thời gian qua còn nhiều bất cập, thiếu tính chuyên nghiệp, chưa thực sự hiệu quả, nội dung và hình thức chưa phong phú, còn chông chéo, mâu thuẫn gây lãng phí nguồn lực. Nguyên nhân là do ta chưa có một chiến lược tổng thể về xúc tiến đầu tư, làm cho công tác xúc tiến đầu tư thiếu một tầm nhìn dài hạn, có tính hệ thống; Trình độ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế, thiếu cơ sở vật chất và điều kiện hoạt động; Công tác quản lý nhà nước và cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương trong công tác xúc tiến đầu tư chưa thực sự hiệu quả, nhiều nội dung chưa được xác định rõ ràng do còn thiếu một văn bản pháp luật quy định cụ thể về vấn đề này.

2.2.2: Tám nhóm giải pháp thu hút và quản lý đầu tư FDI

Để tiếp tục thu hút, thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn FDI năm 2009 và năm 2010, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất 8 nhóm giải pháp cần ưu tiên triển khai như sau:

- Thứ nhất: giải pháp về luật pháp, chính sách

Tiếp tục rà soát pháp luật, chính sách về đầu tư, kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán, bổ sung các nội dung còn thiếu và loại bỏ các điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư không phù hợp với cam kết của Việt Nam với WTO.

Ban hành các ưu đãi khuyến khích đầu tư đối với các dự án xây dựng các công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, văn hoá, thể thao) cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế.

Thực hiện các biện pháp thúc đẩy giải ngân; không cấp phép cho các dự án công nghệ lạc hậu; dự án tác động xấu đến môi trường; thẩm tra kỹ các dự án sử dụng nhiều đất, giao đất có điều kiện theo tiến độ dự án, tránh

lập dự án lớn để giữ đất, không triển khai; cân nhắc về tỷ suất đầu tư/diện tích đất, kể cả đất KCN.

- Thứ hai: giải pháp về quy hoạch

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và phê duyệt các quy hoạch còn thiếu; rà soát để định kỳ bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch đã lạc hậu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc xác định và xây dựng dự án.

Hoàn chỉnh quy hoạch sử dụng đất, công bố rộng rãi quy hoạch, tạo điều kiện để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư; rà soát, kiểm tra, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất một cách hiệu quả, nhất là đối với các địa phương ven biển nhằm đảm bảo phát triển kinh tế và môi trường bền vững.

- Thứ ba: giải pháp về cải thiện cơ sở hạ tầng

Tiến hành tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020 làm cơ sở thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tranh thủ tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên các lĩnh vực cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường (xử lý chất thải rắn, nước thải.v.v.); hệ thống đường bộ cao tốc; nâng cao chất lượng dịch vụ đường sắt; sản xuất và sử dụng điện từ các loại năng lượng mới như sức gió, thủy triều, nhiệt năng từ mặt trời; các dự án lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin.

- Thứ tư: giải pháp về nguồn nhân lực

Đẩy nhanh việc triển khai kế hoạch tổng thể về đào tạo nhằm nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 40% vào năm 2010. Theo đó, ngoài việc nâng cấp đầu tư hệ thống các trường đào tạo nghề hiện có lên ngang tầm khu vực và thế giới, sẽ phát triển thêm các trường đào tạo nghề và trung tâm đào tạo từ các nguồn vốn khác nhau.

Nghiên cứu điều chỉnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Thực hiện các giải pháp nhằm đưa Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động vào thực tế cuộc sống để ngăn ngừa tình trạng đình công bất hợp pháp, lành mạnh hóa quan hệ lao động theo tinh thần của Bộ luật Lao động.

- Thứ năm: giải pháp về giải phóng mặt bằng

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần chỉ đạo các cơ quan chức năng tiến hành ngay các thủ tục thu hồi đất và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án FDI không có khả năng triển khai hoặc chưa có kế hoạch sử dụng hết diện tích đất đã được giao để chuyển cho các dự án đầu tư mới có hiệu quả hơn. Đồng thời, trong phạm vi thẩm quyền của mình, chủ động tổ chức việc đền bù giải tỏa và giao đất cho chủ đầu tư theo đúng cam kết, đặc biệt là các dự án quy mô lớn mà chủ đầu tư sẵn sàng giải ngân thực hiện dự án.

- Thứ sáu: giải pháp về phân cấp

Qua thực tế thực hiện việc phân cấp trong hơn 2 năm vừa qua đã bộc lộ một số vấn đề bất cập, không phù hợp, ảnh hưởng đến quy hoạch phát triển kinh tế xã hội chung. Cần nghiên cứu để xem xét lại chủ trương phân cấp toàn diện như quy định hiện nay, có các biện pháp để tăng cường sự phối hợp giữa Trung ương và địa phương trong việc cấp phép và quản lý các dự án đầu tư nước ngoài.

- Thứ bảy: giải pháp về xúc tiến đầu tư

Nghiên cứu, đề xuất chính sách vận động, thu hút đầu tư đối với các tập đoàn đa quốc gia cũng như có chính sách riêng đối với từng tập đoàn và các đối tác trọng điểm như các quốc gia thành viên EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản...

Nhanh chóng hoàn thành việc xây dựng thông tin chi tiết về dự án (project profile) đối với danh mục đầu tư quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài

giai đoạn 2006-2010 để làm cơ sở cho việc kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án này.

Thực hiện tốt Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia giai đoạn 2007-2010. Triển khai nhanh việc thành lập bộ phận XTĐT tại một số địa bàn trọng điểm.

- Thứ tám: một số giải pháp khác

Tiếp tục nâng cao hiệu quả việc chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu đối với nhà đầu tư. Đề cao tinh thần trách nhiệm cá nhân trong xử lý công việc, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở các cơ quan quản lý nhà nước.

Thực hiện chương trình Sáng kiến chung Việt Nam -Nhật Bản giai đoạn III hiệu quả; điều chỉnh Cơ chế hợp tác giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam) và Cơ quan Phát triển kinh tế - EDB (Singapore) phù hợp với tình hình mới.

Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo Chính phủ, các Bộ, ngành với các nhà đầu tư, đặc biệt là Diễn đàn doanh nghiệp hàng năm để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các dự án trong quá trình thực hiện chính sách và phát luật hiện hành, đảm bảo các dự án hoạt động đúng tiến độ và hiệu quả, nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại Việt Nam, tạo hiệu ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới.

III: KẾT LUẬN

Như vậy, bài toán về thu hút đầu tư trực tiếp FDI tại Việt Nam là một trong những mục tiêu quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế đất nước. Để đưa kinh tế đất nước thoát khỏi cuộc khủng hoảng từ cuộc khủng hoảng bất động sản nhà đất ở Mỹ và hút dòng các nhà đầu tư thế giới quay lại thị trường nước ta. Việt Nam cần phải hiểu rõ được quy luật vận động của các dòng Đầu tư FDI, các xu hướng đầu tư trong tương lai và nắm bắt được các cơ hội để thu hút các nguồn đầu tư về nước ta. Để làm được điều này chính phủ và các doanh nghiệp trong nước phải tự thay đổi chính mình bằng cách là cải tổ, đơn giản hoá các thủ tục cho nhà đầu tư, đưa ra các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư mới hay các dự án lớn hoặc là các dự án phục vụ cho dân sinh bảo vệ môi trường. Ngoài các biện pháp thu hút đầu tư FDI chúng ta cần phải có kế phát triển các nguồn lực trong nước để đáp ứng yêu cầu trong những tình huống thế giới mới, hay các tình huống gây bất lợi cho nước ta và để giảm sự phụ thuộc vào các nền kinh tế phát triển trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục tài liệu tham khảo

Giáo trình kinh tế quốc tế - Trường Đại Học Nông Nghiệp Hà Nội

-Các trang web liên kết:

<http://www.google.com.vn/>

<http://www.caohockinhhte.info/>

<http://wwwv.neconomy.vn/>

<http://www.phapluattp.vn/>

<http://www.viwikipedia.org/>

<http://www.24h.com.vn/>

<http://www.tailieu.vn/>

<http://www.baocao.vn/>

<http://www.dantri.com.vn/>

<http://www.vietbao.vn/>

<http://www.vnexpress.net/>

<http://www.dautunuocngoai.vn/>